

**TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 5– 2021.
Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thủy.
2. Ông Nguyễn Văn Trai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án N dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát N dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn N và gia đình sơ thẩm thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: Ô1 DC53 D39 KDC V, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Văn Võ Hồng N, sinh năm 1987; trú tại: Thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; tạm trú: Ô1 DC53 D39 KDC V, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2020, bản tự khai ngày 25/01/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Văn Võ Hồng N tiến đến hôn N trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2014, quyển số 01/2014 ngày 12/5/2014. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên N vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm

sống, không ai yêu thương chăm sóc lẫn nhau như về sinh hoạt, quan điểm, lối sống không hợp nhau từ những vấn đề nhỏ nhất nhất trong cuộc sống hàng ngày. Thời gian gần đây ông N có những lời lẽ xúc phạm bản thân bà T, vợ chồng không ai có tiếng nói chung. Bản thân ông N không chăm lo cuộc sống gia đình cho bà T và con chung từ tinh thần đến vật chất. Từ những mâu thuẫn đó, vợ chồng đã ly thân nhau được gần 01 năm cho đến nay. Hiện nay cuộc sống vợ chồng giữa bà T, ông N không còn quan hệ sinh lý, không còn tình cảm và không ai chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người đó sống. Nay, bà Nguyễn Thị Kim T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông Văn Võ Hồng N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Văn Võ Hồng N có 01 người con chung Văn Quế C, sinh ngày 22/4/2015. Kể từ khi bà T và ông N ly thân cho đến nay con chung ở cùng bà T nhưng ông N không quan tâm chăm sóc và cũng không hỗ trợ về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Nay bà T yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu ông Văn Võ Hồng N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không thể chung sống cùng ông Văn Võ Hồng N.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về N thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 27/2014, quyền số 01/2014 ngày 12/5/2014; giấy khai sinh Văn Quế C, sinh ngày 22/4/2015; quyết định đình chỉ số 312/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2020 và Trích lục quyết định đình chỉ số 312/2020/TLA ngày 11/12/2020 và các tài liệu chứng cứ kèm theo.

Bản trình bày ý kiến ngày 27/01/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Văn Võ Hồng N trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn N, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống. Ông N không thống nhất với bà T về mâu thuẫn và thời gian ly thân. Ông N cho rằng mâu thuẫn giữa ông N và bà T không có gì quá đáng để phải ly hôn. Bản thân ông N không nhớ có xúc phạm bản thân bà T hay không. Trước đây, khi vợ chồng còn hạnh phúc thì ông N có lo cho bà T và con chung mỗi tháng chuyển tiền cho bà T 10.000.000đồng, kể từ tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2020 cho đến nay thì ông N không chuyển cho bà T nhưng vẫn lo đầy đủ tiền học phí cho con, cụ thể vẫn chuyển khoản tiền học trực tiếp cho trường mầm non cho con từ 2.100.000 đồng đến khoảng 2.500.000 đồng. Đối với bà T thì từ khoảng tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2020 cho đến nay thì ông N không chuyển tiền và tiền của ai người đó xài, không ai liên quan gì đến kinh tế cuộc sống của nhau. Từ khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2020 cho đến nay thì vợ chồng không ăn cơm chung, tự túc của ai người đó xài. Đối với tiền của bản thân mỗi người thì tự tiêu xài cá N và tiết kiệm riêng. Vợ chồng không còn quan hệ sinh lý từ khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Bà T bắt đầu đi khỏi nhà chính thức từ ngày 14/3/2021 cho đến nay chứ không phải như bà T trình bày.

Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn và dứt khoát ly hôn với ông N thì ông N không có ý kiến gì. Hiện nay, bà T và ông N không còn tình cảm vợ chồng nhưng vì tình nghĩa vợ chồng vẫn còn đối với ông N nên ông N không đồng ý ly hôn. Về biện pháp đoàn tụ vợ chồng thì ông N không có biện pháp nào khác mà cần có biện pháp từ chuyên gia đưa ra.

Về con chung: Ông Văn Võ Hồng N và bà Nguyễn Thị Kim T và có 01 người con chung Văn Quế C, sinh ngày 22/4/2015. Với yêu cầu của bà T về quan hệ hôn N, con chung, tài sản chung và nợ chung thì ông N không đưa ra bất kỳ ý kiến hay biện pháp nào.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày trong suốt quá trình tố tụng, ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì còn nhiều yếu tố không thể trình bày được. Ông N nghi ngờ sự chung thủy của bà T nên khó có thể vượt qua. Ngoài ra, vợ chồng muốn đoàn tụ thì ông N còn phải có ý kiến của cha mẹ để phải đạo làm con. Ông N không muốn ly hôn vì muốn cho con có cả cha và mẹ. Bà T cho rằng ông N không chăm sóc vợ con là do ông N đi làm xa không có thời gian chăm sóc nên đó là đặc thù công việc.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn N giữa bà T và ông N không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu của bà T được ly hôn với ông N; về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Kim T và ông Văn Võ Hồng N có 01 người con chung Văn Quế C, sinh ngày 22/4/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và ông N không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Văn Võ Hồng N, sinh năm 1987 hiện đang sinh sống, tạm trú tại địa chỉ: Ô1 DC53 D39 KDC V, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án N dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn N: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Văn Võ Hồng N tự nguyện tiến đến hôn N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2014, quyển số 01/2014 ngày 12/5/2014 là hôn N hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân khoảng gần 01 năm cho đến nay. Tuy nhiên, bị đơn ông N không đồng ý ly hôn vì bản thân nhận thấy không đến mức vợ chồng phải ly hôn. Bởi lẽ quan hệ hôn N giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn N giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Văn Võ Hồng N không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Văn Võ Hồng N xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và không còn sống chung, không còn quan tâm gì tới cuộc sống của nhau. Bản thân ông N xác định tình cảm vợ chồng với bà T không còn, đời sống chung không có hạnh phúc nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng không đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần hòa giải vận động ông N, bà T về đoàn tụ nhưng ông N không đưa ra được biện pháp nào và cũng không có bất kỳ động thái nào để cùng bà T xây dựng gia đình hạnh phúc. Ông N không đồng ý ly hôn với bà T nhưng trong thời gian vợ chồng còn chung sống đã không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian hai vợ chồng ly thân, trước khi tòa án đưa vụ án ra xét xử cũng không có biện pháp gì tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng và còn yêu cầu phải nhờ chuyên gia hàn gắn. Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ chính bản thân của người đó, không dựa vào bất cứ một người nào khác. Tại phiên tòa ông N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì còn nhiều yếu tố như cha mẹ, con cái. Tình cảm vợ chồng phải dựa trên cả hai phía và xuất phát từ sự yêu thương, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau chứ không phải là thước đo của giá trị vật chất. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim T và ông Văn Võ Hồng N đã trầm trọng, tiếp tục đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn N không đạt được nên căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn N và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N.

[2.3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Kim T và ông Văn Võ Hồng N có 01 người con chung Văn Quế C, sinh ngày 22/4/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét kể từ khi bà T, ông N ly thân cho đến nay, bản thân bà T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, ông N là người đi làm công trình xa không có thời gian ở nhà để chăm lo cho con nên không đủ các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng toàn diện tốt cho con chung. Bởi vì để trẻ em được phát triển toàn diện không phải chỉ mình vật chất mà phải cả tinh thần sự gần gũi, yêu thương và chăm sóc. Vì vậy yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của bà T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện không yêu cầu ông Văn Võ Hồng N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn N gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn N và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T đối với bị đơn ông Văn Võ Hồng N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn N: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Văn Võ Hồng N.

- Về con chung: Giao con chung Văn Quế C, sinh ngày 22/4/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, vì quyền lợi của con, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Văn Võ Hồng N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn N và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053487 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

ơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu